

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 11-9-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Lợi và ông Hoàng Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HS ngày 29/8/2019, đối với bị cáo:

Bùi Anh D, sinh ngày 25/4/2000; tại: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Bùi Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh Nguyễn Văn H; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
Có mặt.

+ Chị Tường Thị B; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.
Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Tiến T; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị T; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người làm chứng: Anh Lê Duy K, anh Nguyễn Đình N, anh Nguyễn Đình T, chị Nguyễn Thị T và chị Tường Thị M. Tất cả đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 25/5/2019, trên đường điều khiển xe mô tô BKS 73E1-346.23 của gia đình về nhà, khi đi ngang qua nhà anh Nguyễn Văn H nhìn thấy cổng chính không khóa nên Bùi Anh D đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh H trộm cắp tài sản. D chạy xe dừng cách nhà anh H khoảng 100m rồi đi bộ đến cổng nhà và nhanh chóng đi vào trong qua lối cổng chính. Khi vào nhà thấy cửa chính đã khóa nên D đi vòng quanh tìm đường vào bên trong. Phát hiện thấy cửa sổ mở nên D đi tìm dao, rựa để phá cửa sổ. Phát hiện có một cây dao, một cây cưa nên D đã lấy dao chặt vào song cửa sổ nhưng không đứt và gây ra tiếng ồn nên D không chặt nữa. D tiếp tục lấy cây cưa xoay ngang lưỡi cưa, luồn vào giữa hai song cửa sổ rồi cắt song cửa sổ. Khi cắt được hai song cửa sổ D luồn người qua khe hở chui vào bên trong phòng ngủ của con anh H. D lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO A71 trong ngăn kéo tủ đựng quần áo bỏ vào túi quần và tiếp tục tìm kiếm tài sản nhưng không có. D tiếp tục đi sang phòng ngủ bên cạnh, phát hiện 01 thùng kim loại màu xám, không khóa có chèn đê lên, nghĩ có tài sản nên D lấy chèn đi và mở thùng kim loại ra. Bên trong thùng có con heo đất màu vàng và một túi vải đựng giấy tờ. D liền lấy con heo đất đi đến cửa sổ đã cắt song trước đó, ném con heo đất ra bên ngoài sau đó chui ra ngoài. Khi ra ngoài D thấy heo đất bị vỡ và có nhiều tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng, D lấy toàn bộ số tiền rồi bỏ vào túi quần, thu dọn một số mảnh vỡ của heo đất sau đó đi bộ đến nơi dừng xe. Số tiền chiếm đoạt được D sử dụng vào mục đích cá nhân, còn lại 1.550.000 đồng sau đó bị cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Trạch thu giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐ ngày 30/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quảng Trạch, kết luận: Giá trị thiệt hại về tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A71 là 1.700.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSQT ngày 11 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Bùi Anh D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử phạt bị cáo Bùi Anh D từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; tịch thu tiêu hủy 01 cái cưa; 01 con dao bằng kim loại; nhiều mảnh vỡ của con heo đất và 02 que gỗ; buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và nhất trí với tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố, kết tội bị cáo. Người bị hại, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Anh D đã thừa nhận và khai nhận: Vào sáng ngày 25/5/2019, do cần có tiền để phục vụ mục đích tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng lúc gia đình anh Nguyễn Văn H đi vắng, không người trông giữ, đã lén lút dùng dao, cưa cắt song cửa sổ rồi đột nhập vào nhà anh H lấy trộm tài sản là 01 điện thoại di động hiệu OPPO A71 và số tiền 8.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 9.700.000 đồng. Xét lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa và trong giai đoạn điều tra, truy tố là hoàn toàn phù hợp và thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận, bị cáo Bùi Anh D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hại cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của gia đình anh Nguyễn Văn H được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý bất bình trong nhân dân. Vì muốn có tiền phục vụ mục đích bản thân bị cáo đã coi thường pháp luật, coi thường tài sản của người khác, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần quyết định một hình phạt tương xứng đối với tính chất của hành vi phạm tội, mức độ, hậu quả mà bị cáo gây ra. Nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và quy tắc của cuộc sống, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ thấy rằng: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được việc làm sai trái của mình để có hướng khắc phục, sửa chữa lỗi lầm; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã tự nguyện bồi thường đầy đủ thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương nên chưa cần thiết buộc phải đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam, cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xét xử cho bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao về chính quyền địa phương phối hợp cùng gia đình quản lý, giám sát cũng đủ tính răn đe, giáo dục. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định vì vậy miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo chiếm đoạt một phần đã được thu giữ kịp thời giao trả cho người bị hại phần còn lại bị cáo và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường đầy đủ, tương ứng với thiệt hại gây. Đến tại phiên tòa hôm nay người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án đã được tạm giữ để điều tra và được xử lý trả lại xe mô tô BKS 73E1- 346.23 cho chủ sở hữu là bà Bùi Thị T, trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO A71 cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Tiến T theo quy định của pháp luật. Đến tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 cái cưa; 01 con dao bằng kim loại; nhiều mảnh vỏ của con heo đất và 02 que gỗ, xác định đây là vật mà bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng nên căn cứ các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Bùi Anh D phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Anh D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Anh D 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Bùi Anh D trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Bùi Anh D cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 cái cưa, 01 con dao bằng kim loại, nhiều mảnh vỏ của con heo đất và 02 que gỗ.

Vật chứng trên có các đặc điểm được mô tả cụ thể tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Trạch với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch ngày 19/7/2019.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Anh D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/9/2019). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; bị hại; NCQL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực